

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 91/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-8-2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Minh Lý.

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2022/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2022 về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 46/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Phương Đ, sinh năm 1993;

Hộ khẩu thường trú: Số A, đường Lê Hồng P, khu phố B, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn xin vắng mặt

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1991;

Hộ khẩu thường trú: Số A, đường Lê Hồng P, khu phố B, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; địa chỉ nơi làm việc: Công ty TTI VietNam – Chi nhánh Khu công nghiệp Đại Đăng, Lô A, đường Đại Đ, khu công nghiệp Đại Đ, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 23/3/2022 và quá trình giải quyết, bà Trần Thị Phương Đ là nguyên đơn trình bày: Bà Đ và ông Nguyễn Văn A tự nguyện tìm hiểu và kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú

T, thành phố T, tỉnh Bình Dương ngày 18/12/2014. Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại địa số A, đường Lê Hồng P, khu phố B, phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Quá trình chung sống, bà Đ và ông A thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cả hai không tìm được tiếng nói chung với nhau. Nay bà Đ nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể nào tiếp tục sống chung nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Văn A. Về con chung, ông bà có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Anh D, sinh ngày 04/7/2015. Khi ly hôn, bà Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Trần Anh D, không yêu cầu ông A cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án không tổng đạt được các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Nguyễn Văn A tại nơi cư trú và nơi làm việc, lý do ông A thường xuyên vắng mặt tại các địa chỉ nêu trên. Do đó, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Giấy triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm cho ông A theo hình thức niêm yết công khai tại nơi cư trú của bị đơn, Ủy ban nhân dân phường Phú T, Ủy ban nhân dân phường Phú T và trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có đơn yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quá trình giải quyết, nguyên đơn xác định vẫn giữ yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn, về con chung, về tài sản chung và nợ chung. Đồng thời, bà Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Văn A đều vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tính đến ngày Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, vụ án còn trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo Điều 203 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở để Tòa án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì khác.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngày 29/7/2022, nguyên đơn bà Trần Thị Phương Đ có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng ông A vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương Đ và ông Nguyễn Văn A tự nguyện kết hôn năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Phú T, thành phố T, tỉnh Bình Dương; theo Giấy chứng nhận kết hôn số 115, quyển số 01/2014 ngày 18/12/2014 của Ủy ban nhân dân phường Phú T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn xác định quá trình chung sống, giữa bà Trần Thị Phương Đ và ông Nguyễn Văn A thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, hôn nhân không có hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không tìm được tiếng nói chung khi giải quyết các vấn đề trong cuộc sống hàng ngày. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân, mỗi người tự lo cuộc sống của mình, không quan tâm đến nhau. Bà Đ xác định mâu thuẫn giữa bà và ông A đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn, đoàn tụ với nhau. Vì vậy, bà Đ vẫn giữ yêu cầu được ly hôn với ông A. Về phía bị đơn ông Nguyễn Văn A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia tố tụng nhưng đều vắng mặt không có lý do, đã thể hiện ông A không có thiện chí trong việc muốn hàn gắn và bảo vệ hạnh phúc gia đình.

Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà Đ và ông A đã đến mức trầm trọng, không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Phương Đ đối với ông Nguyễn Văn A là có cơ sở để chấp nhận, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống, bà Đ và ông A có 01 con chung là cháu Nguyễn Trần Anh D, sinh ngày 04/7/2015. Hiện nay, cháu D đang sống ổn định với bà Đ nên bà Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Xét thấy, bà Đ có công việc ổn định, thu nhập hàng tháng đảm bảo đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Quá trình làm việc, cháu D trình bày hiện cháu Duy đang sống với bà Đ, do bà Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Duy có nguyện vọng được sống với mẹ ruột tên Trần Thị Phương Đ trường hợp cha mẹ ly hôn. Do vậy, việc giao cháu Nguyễn Trần Anh D, sinh ngày 04/7/2015 cho bà Đ tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là chính đáng, đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung và phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải

quyết nên không đặt ra xem xét.

[5] Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở.

[6] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải nộp theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 228, 235, 238, 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Phương Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn A về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Phương Đ được ly hôn với ông Nguyễn Văn A.

- Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Trần Anh D, sinh ngày 04/7/2015 cho bà Trần Thị Phương Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc.

Về vấn đề cấp dưỡng con chung: Do bà Đ không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Văn A có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Nguyễn Văn A lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà Trần Thị Phương Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của ông Nguyễn Văn A.

Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con khi xét thấy cần thiết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Trần Thị Phương Đ phải nộp 300.000^d (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ hết vào số tiền tạm

ứng án phí đã nộp trước đây theo biên lai thu số AA/2021 - 0001334 ngày 26/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T.

3. Nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. T;
- Chi cục THADS Tp. T;
- UBND phường Phú T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Ngọc Chung